TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH H** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 01/2023/QĐST-DS	*P, ngày 24 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Mạnh Q.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu H - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 14/2022/TLST-DS ngày 20/10/2022, về việc "*Yêu cầu tuyên bố một người mất tích"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2023/QĐST-DS, ngày 09 tháng 3 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: **Chị Nguyễn Thị N,** sinh năm 1977; "có mặt"

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: **Anh Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1978;

Đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H; "vắng mặt".

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Căn cứ vào đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự; biên bản lấy lời khai của người yêu cầu chị Nguyễn Thị N, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ việc dân sự thì nội dung yêu cầu giải quyết việc dân sự được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Xuân T có quan hệ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P vào ngày 04/4/2011 theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị N bình thường, từ sau khi kết hôn anh Tthường xuyên đi làm ăn ở trong Miền Nam từ đầu năm đến cuối năm mới về quê. Cuối năm 2015 âm lịch anh Tvẫn về quê ăn tết cùng gia đình như mọi năm, sau

khi ăn tết xong, ngày 12/01/2016 âm lịch, anh T tiếp tục vào Miền Nam làm ăn, cụ thể anh Tvào tỉnh nào trong Miền Nam thì anh T không nói vì anh Tlàm nghề ghép cốt pha đi theo công trình xây dựng nay đây mai đó nên chị N không biết địa chỉ của anh T cụ thể ở đâu trong Miền Nam. Sau ngày 12/01/2016 chị N và anh T vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại, đến ngày 25/10/2016 âm lịch chị N mất liên lạc với anh T; chị N có hỏi gia đình nhà chồng thì mọi người đều trả lời không biết anh Tở đâu, làm gì. Từ ngày 25/10/2016 âm lịch (ngày 24/11/2016 dương lịch) cho đến nay chị N không biết tin tức của anh Tở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết mặc dù chị N đã đi tìm kiếm và hỏi tin tức từ người thân trong gia đình nhà chồng nhưng mọi người đều trả lời không biết anh Tở đâu. Từ khi Toà án ra quyết định thông báo tìm kiếm anh T trên phương tiện thông tin đại chúng cho đến nay chị N vẫn không biết tin tức của anh T ở đâu, còn sống hay đã chết. Nay chị N đề nghị Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Văn Tmất tích theo quy định của pháp luật.

Chị N xác nhận trong thời gian chị N và anh T chung sống cùng nhau, vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai tài sản nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên họp, chị N vẫn giữ quan điểm yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Xuân T mất tích.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm và đường lối giải quyết việc dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS từ khi thụ lý, chuẩn bị phiên họp và tại phiên họp. Người yêu cầu đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 27, Điều 361, 367, 370, 371, 372, 389, 149, 150 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 68 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị N, tuyên bố anh Nguyễn Xuân T mất tích.

Về lệ phí: Chị N phải chịu lệ phí sơ thẩm việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện P nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và xác định thẩm quyền:

Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1978, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H. Chị N có đơn yêu cầu tuyên bố anh Nguyễn Xuân T

mất tích, nơi cư trú cuối cùng của anh T trước khi biệt tích là thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H nên Tòa án nhân dân huyện P căn cứ vào khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý và xác định quan hệ pháp luật "Yêu cầu tuyên bố một người mất tích" là có căn cứ và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị N thì thấy rằng:

Theo như chị Nguyễn Thị N trình bày thì anh Nguyễn Xuân T chồng chị N biệt tích từ ngày 25/10/2016 âm lịch (ngày 24/11/2016 dương lịch), chị N đã nhiều năm đi tìm kiếm tin tức của anh T cũng như làm thủ tục thông báo tìm kiếm thông tin của anh T trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng trình tự quy định của pháp luật nhưng cho đến nay chị N vẫn không có tin tức xác thực là anh T còn sống hay đã chết. Toà án cũng đã tiến hành xác minh tại Công an xã T và lấy lời khai của bà Đặng Thị C là mẹ đẻ của anh T, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị T là anh chị ruột của anh T thì đều xác nhận đã hơn 02 năm nay (đầu tháng 02/2020) anh T vắng mặt tại nơi cư trú, chính quyền địa phương và gia đình không có tin tức xác thực của anh T hiện nay ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Mặc dù chị N và người thân của anh T cũng như chính quyền địa phương cung cấp thông tin về thời gian anh T biệt tích có sự khác nhau nhưng đều xác định anh T biệt tích đã trên 02 năm kể từ thời điểm chị N nộp đơn yêu cầu, hiện không ai có tin tức gì của anh T. Do vậy, chị N có đơn yêu cầu tuyên bố anh Nguyễn Xuân T mất tích là phù hợp với quy định tại Điều 68 của Bộ luật dân sự nên yêu cầu của chị N có căn cứ cần được chấp nhận.

Người yêu cầu chị Nguyễn Thị N xác nhận trong thời gian chị N và anh T chung sống cùng nhau, vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai tài sản, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Toà án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật Dân sự; Điều 370, 371, 372, 389, khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

- Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị N, tuyên bố anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1978; đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H mất tích.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lại

thu tạm ứng lệ phí số AA/2021/0006179 ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ lệ phí.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị:

+ Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, người có mặt tính từ ngày Tòa án ban hành quyết định; người vắng mặt tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

+ Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện P;
- THA DS huyện P;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Bùi Mạnh Q